

ĐỒN ĐIỀN NAM KỲ THỜI PHÁP THUỘC CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẾN NĂM 1924

NGUYỄN PHAN QUANG*

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TỪ CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẾN NĂM 1913

Hai thập niên cuối cùng của thế kỷ XIX, chính quyền thuộc địa ở Nam Kỳ đẩy mạnh việc "cấp nhượng" ruộng đất, trước hết cho các loại thực dân Pháp.

Cái gọi là "quy chế chuyển nhượng ruộng đất" được mở đầu bằng định nghĩa như sau: "Công cuộc khai hóa xứ này đặt trên nền tảng xác định quyền sở hữu ruộng đất, đồng thời bảo vệ quyền lợi của cộng đồng (?) cũng như tài sản công [công sản] được chuyển nhượng".

Trên thực tế, đây là một quá trình cướp đất trắng trợn của nông dân, bắt đầu từ những năm 70 của thế kỷ XIX, với quyền được chiếm hữu công sản không giới hạn, không phải trả tiền (chúng tôi nhấn mạnh - NPQ) đối với điền chủ thực dân và tay sai cơ bự. Sau một thời gian, các điền chủ này mới phải đóng thuế và không bắt buộc phải khai khẩn ngay. Các chủ tỉnh được quyền cho chuyển nhượng dưới 20 ha.

Mãi đến năm 1914, chính quyền thực dân ở Nam Kỳ mới quy định điền chủ phải trả một số tiền khi được chuyển nhượng,

nhưng trên thực tế việc chuyển nhượng miễn trả tiền (concession gratuite) vẫn tiếp tục được thực hiện, giới hạn từ 300ha trở xuống; nếu trong một gia đình có nhiều người, thì số diện tích đất ruộng được chuyển nhượng miễn trả tiền cũng không được vượt quá 500ha.

Mười lăm năm sau (1930), theo báo cáo trên giấy tờ, đất đai chuyển nhượng miễn trả tiền "ít khi vượt quá 20ha", nhưng đồng thời lại thừa nhận những diện tích đã đóng thuế trên 15 năm và không vượt quá 500ha thì vẫn được hưởng chế độ chuyển nhượng miễn trả tiền, với điều kiện phải là điền chủ Pháp hoặc công ty của Pháp (1).

Từ năm 1897 đến năm 1913, các cá nhân và công ty thực dân đã cướp chiếm 470.000 ha, riêng Nam Kỳ là 306.000 ha, chưa kể 90.000 ha nhượng cho Công ty khai thác lâm sản (Société d'exploitation forestière). Cho đến trước năm 1918, hầu hết diện tích cấp nhượng cho các cá nhân và công ty thực dân Pháp đều đã được canh tác lúa.

Theo tác giả Aumiphin (2), "cho đến năm 1913, quy chế ruộng đất của thực dân

*PGS. TS. Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh

Pháp ở Đông Dương còn chưa được xác định và có sự khác nhau giữa các vùng". Ở Nam Kỳ, "quy chế này không ổn định; vào thời kỳ chinh phục, việc mua bán trong xứ này là phương thức chuyển dụng đất đai thông dụng".

"Năm 1874, một nghị định đã làm cho hệ thống cất nhượng đất không phải trả tiền thẳng thết. Tám năm sau (1882), một nghị định thứ hai phân biệt hai loại đất chính: một là đất làng bỏ hoang, có thể nhượng không phải trả tiền cho người có đơn xin (các đất nhượng không được vượt quá 500 ha và người được nhượng đất không phụ thuộc vào khu đất được chia trong một thời gian quy định [?]. Mặt khác là các đất đai cũng có thể là đối tượng chuyển nhượng bằng hình thức bán đấu giá công khai.

"Như vậy, cho đến năm 1913, rõ ràng các quy chế khác nhau đã tạo điều kiện cho việc đầu cơ đất đai. Nhiều thực dân, phần đông là chủ những số vốn nhỏ, đã thấy mình được cấp nhượng những diện tích quá lớn đối với thời kỳ này (Nghị định của Khâm sứ, Thống sứ đối với diện tích cấp nhượng 1000ha; Nghị định của Toàn quyền đối với những diện tích từ 1000 - 4000ha, diện tích trên 4000ha do Nghị định của Bộ Thuộc địa)".

II. LẬP ĐỊA BỘ

Ngày 30-7-1887, Thống đốc Nam Kỳ ra Nghị định số 22 về việc lập địa bộ và quy chế sở hữu ruộng đất. Nghị định gồm 7 điều, nhằm rà soát toàn bộ ruộng đất ở Nam Kỳ để đánh thuế, đồng thời để tiến hành thuận lợi hơn việc cướp chiếm ruộng đất cấp cho điền chủ - chủ yếu là điền chủ người Pháp. Sau đây là toàn văn Nghị định:

Thống đốc Nam Kỳ

- Căn cứ Nghị định ngày 29-12-1880 và 28-10-1881 liên quan đến việc khám nghiệm ruộng đất ở các hạt Sóc Trăng và Trà Vinh,

- Căn cứ Nghị định ngày 24-3-1887 về việc thành lập Sở Thanh tra địa chính phục vụ thuế ruộng đất,

- Căn cứ hiệu lực của hai Nghị định trên, dựa vào sự chính xác của các số liệu do địa bộ cung cấp và các nhân viên địa chính thực hiện, làm cơ sở đánh thuế ruộng đất,

- Theo đề nghị của Giám đốc Nha Nội vụ...

QUYẾT ĐỊNH

+ Điều 1: Trên toàn xứ Nam Kỳ, những đơn xin đăng ký vào địa bộ tại lỵ sở các hạt do những người chiếm giữ ruộng đất mà không có chứng khoán thì sẽ ưu tiên lấy cấp cho những đơn xin cấp nhượng đất hoặc đem các ruộng đất đó ra bán, kể từ ngày 1-8 đến ngày 31-12-1887.

+ Điều 2: Những khiếu nại về các đơn xin cấp nhượng đất phải nộp trước ngày 1-7-1888, cũng là thời gian thông qua các đơn xin đăng ký địa bộ không có tranh chấp.

+ Điều 3: Việc đăng ký địa bộ sau thời hạn trên, tức ngày 1-8-1888, có giá trị như chứng khoán sở hữu.

+ Điều 4: Quan cai trị các hạt, với sự hỗ trợ của nhân viên địa chính của hạt cùng 2 hương chức của làng có trách nhiệm xử lý mọi khiếu nại trong hạt. Chủ hạt được quyền giải quyết dứt điểm những trường hợp chiếm dụng ruộng đất mà không có chứng khoán hợp lệ.

+ Điều 5: Những đăng ký mới về ruộng đất không có chứng khoán chỉ thực hiện đối với các đơn đăng ký trước ngày 1-1-1888, nhằm tránh xảy ra khiếu nại hoặc có khiếu nại thì cũng đã được giải quyết.

+ Điều 6: Từ sau ngày 1-8-1888, những người đăng ký địa bộ sẽ nhận được một chứng khoán hợp pháp và một sơ đồ ruộng đất sở hữu của mình..., và cũng được cấp một bản sao địa bộ để tạm thời sử dụng như một chứng khoán sở hữu ruộng đất. Các quyền sử dụng theo Nghị định ngày 22-8-1882 liên quan đến những ruộng đất không có chứng khoán và người chiếm hữu không xin đăng ký tên mình vào địa bộ, thì kể từ ngày 1-1-1888 sẽ phải áp dụng nghiêm ngặt [... bản chụp bị mờ...].

+ Điều 7: Mọi quyền sử dụng ruộng đất trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ (...).

Sài Gòn, ngày 30 tháng 7 năm 1887

Thống đốc Nam Kỳ (3)

Ba mươi năm sau - năm 1917 - chính quyền thuộc địa Nam Kỳ ban hành những quy chế mới nhằm hoàn thiện việc lập địa bạ phù hợp với những thay đổi về hành chính, trước hết là việc xác định ranh giới đất đai giữa các tỉnh.

Theo báo cáo của các địa phương, tuy nhân sự thiếu nghiêm trọng, việc định giới tổng quát vẫn được tiếp tục khả quan trong năm 1917. Dưới sự chỉ đạo của các "Ủy ban định giới" và sự hỗ trợ của các chuyên viên trắc địa, việc đo đạc tại các tỉnh Gia Định, Bạc Liêu, Bến Tre, Châu Đốc, Rạch Giá, Tân An và Trà Vinh được tiến hành thuận lợi..

Đặc biệt các "Ủy ban định giới" của các tỉnh Gia Định, Bạc Liêu và Rạch Giá hoạt động rất tốt, không gặp trở ngại gì và đã cung cấp những kết quả trắc lượng trên một diện tích rất rộng, dùng làm căn cứ đầu tiên để lập sơ đồ các khoảnh ruộng đất của rất nhiều làng xã với tổng diện tích 80.000 ha.

Bảng 1 dưới đây cho thấy: kể từ năm 1912, mặc dầu số nhân viên trắc địa giảm

sút nhiều, nhưng khối lượng công việc không những không giảm mà trái lại còn tăng lên đáng kể:

Bảng 1: Số nhân viên và số làng đã đo đạc từ 1912 đến 1917

Năm	Số nhân viên	Số làng đã đo đạc
1912	41	24
1913	44	36
1914	35	33
1915	30	30
1916	22	20
1917	28	45

Địa giới giữa các tỉnh Rạch Giá, Bạc Liêu, Cần Thơ, Long Xuyên và Châu Đốc đã được xác định tại chỗ bằng những cột mốc giới. Nhờ vậy, sẽ chấm dứt tình trạng khiếu tố về địa giới kéo dài nhiều năm.

Việc tu chỉnh địa bộ của thành phố Chợ Lớn đã hoàn thành trong tháng 12-1917 và việc thiết lập sơ đồ sẽ tiến hành vào đầu năm 1918.

III. QUY CHẾ CẤP RUỘNG ĐẤT CHO ĐIỀN CHỦ

1. Khoảng 20 năm cuối thế kỷ XIX, những người Pháp muốn được cấp nhượng đất phải làm đơn xin đất kèm theo sơ đồ khoảnh đất, nộp lên Phó Thống đốc Nam Kỳ ở Sài Gòn hoặc nộp cho chính quyền ở hạt sở tại (có đất xin cấp). Sau 3 tháng điều tra và được Chủ tỉnh (hay chủ hạt) có ý kiến chấp thuận, đơn được chuyển lên Thống đốc Nam Kỳ để chuyển sang Hội đồng Thuộc địa xem xét trong phiên họp gần nhất.

Hội đồng này sẽ bỏ phiếu, nếu được chấp thuận thì Thống đốc ra nghị định cấp đất. Người đệ đơn sẽ được quyền sở hữu khoảnh đất đó sau khi một nhân viên Sở trắc địa đã đo đạc, xác định vị trí và diện tích khoảnh đất (chi phí đo đạc do người được cấp đất thanh toán). Việc cấp đất không

kèm theo bất cứ một khoản thuế nào. Về nguyên tắc, loại đất cấp theo phương thức "cho không" (gratuit) này không vượt quá 500 ha.

Đất cấp nhượng chỉ bắt đầu phải nộp thuế từ ngày 1 tháng giêng của năm thứ hai, tính từ khi có quyết định cấp đất, với mức thuế thuộc hạng thấp nhất (trừ trường hợp ngoại lệ). Điền chủ được hưởng mức thuế này trong thời hạn 5 năm để có đủ điều kiện hoàn thành việc canh tác trên toàn bộ diện tích được cấp.

2. Đồng thời với việc "cấp nhượng miễn phí" (thực chất là cướp ruộng đất của nông dân), chính quyền thuộc địa tiến hành việc "bán đất công sản".

Theo quy định, đất công sản đang canh tác hoặc đang trồng cây ăn trái không thuộc diện đất dự trữ đặc biệt, đều có thể đem bán nếu có đơn xin mua hợp thức. Người xin mua phải cam đoan đặt trước với giá cao hơn giá do chính quyền quy định. Nếu giá ngang bằng thì người có đơn xin mua được quyền mua trước người khác, nhưng quyền lợi này chỉ thực hiện đối với người có đặt tiền trước.

IV. ĐỒN ĐIỀN Ở GIA ĐỊNH

Theo *Địa chí tỉnh Gia Định (1902)*: những thử nghiệm buổi đầu của người Pháp trong lãnh vực đồn điền không mang lại hiệu quả ngay. Một bằng chứng là trường hợp ông BLANCHY: năm 1875, ông được cấp nhượng một khu đồi đất cát ở Bình Thung, tổng An Thủy (tục gọi là Núi Đất). Đây là dải đồi duy nhất có chất đất sét pha cát, còn các đồn điền lân cận hầu hết đều là đồi đất đá Biên Hòa và đá hoa cương. BLANCHY trồng tiêu, cà-phê, xoài, dứa, nhưng chẳng cây gì có kết quả. Cây cà-phê chết sau 5 năm do thiếu nước tưới; cây tiêu tồn tại được lâu hơn, nhưng đến

năm thứ 7 cũng chết dần do khô hạn, thu hoạch quá ít ỏi. Các loại cây khác cũng chết dần sau 2 năm do nắng cháy khi cây chưa kịp bén rễ vào lớp đất ẩm ở dưới tầng sâu. Tóm lại là thất bại hoàn toàn. Nhưng BLANCHY đã đạt được kết quả khả quan ở những đồn điền khác, nên ông không tiếp tục thử nghiệm ở đồn điền Gia Định nữa.

Thời gian BLANCHY thất bại ở đồn điền Bình Thung thì một Hội kỹ nghệ được thành lập ở Sài Gòn nhằm khai thác đồn điền. Hội này chọn một khoảnh đất 60ha ở Xuân Vinh (thuộc tổng An Điền), cách Thủ Đức 5km về phía đông-bắc. Họ làm đường sá, đào một hệ thống kênh để tưới tiêu. Cuối cùng, họ trồng tiêu, dứa và xoài. Do tổ chức tốt, đồn điền phát triển thuận lợi. Chất đất pha cát vừa phải nên khá phì nhiêu, rất hợp với các loại cây ăn trái, lại nhờ có dòng suối gần kề, cung cấp đủ nước tưới cây. Thế nhưng, do thiếu theo dõi chăm sóc, đồn điền này suy dần, cuối cùng phá sản.

Năm 1880, Công ty "*Nouvelle-Espérance*" lập một đồn điền trồng mía ở Tân Sơn Nhất (thuộc Phú Thọ), phía tây Sài Gòn, nhưng địa điểm lựa chọn không thích hợp, vì đây là một khu đất canh tác tồi nhất của tỉnh Gia Định. Sau vài năm, sản lượng mía ngày một kém, công ty này phải dựa vào mía của dân cung cấp để chạy máy đường. Cuối cùng nhà máy đường cũng đóng cửa nốt; vậy là cả trồng mía lẫn làm đường đều thất bại.

Hai đồn điền của FARGUES và của PATERNELLE cũng trong tình trạng tương tự. FARGUES (một đại úy hải quân) lập đồn điền ở Phú Nhuận năm 1880, trồng cây ăn trái, tiêu, va-ni và chàm (indigotier), nhưng không kết quả vì thiếu chăm sóc. PATERNELLE (một viên chức kế toán) lập trại cây va-ni ở Bình Hòa thì có hiệu quả

hơn. Nhưng rồi ông ta cũng bỏ luôn, vì không thực hiện được khâu chế biến thành sản phẩm hàng hóa.

Tại tỉnh Gia Định, cho đến cuối thế kỷ XIX, xuất hiện hàng loạt đồn điền của các điền chủ sau:

1. BERLAND (Giám đốc Nha cảnh sát trung tâm ở Sài Gòn) có 3 ha đất ở Bình Hòa, trồng 6000 gốc cà-phê và 200 gốc vani, chỉ mới được 3 năm, xem ra có triển vọng.

2. BOCK (Giám đốc cảnh sát Sài Gòn) là chủ nhân một phần đồn điền cũ của Công ty "*Nouvelle-Espérance*". Ông đã chuyển diện tích trồng mía trước kia thành ruộng lúa. Khu đất cao trở thành đồng cỏ nuôi gia súc với một đàn trâu bò 250 con. (BOCK đã chết từ lâu, đồn điền được Hội Truyền giáo nước ngoài mua lại).

3. BOULLOCHE (Khâm sứ Trung Kỳ) đắp bờ ngăn nước thủy triều, lập trại trồng lúa trên khu đất ở Cần Giờ, trên bờ sông Soi Rap (trước kia khu đất này được cấp nhượng cho JACQUET).

4. CANAVAGGIO là một trong những điền chủ kinh doanh có hiệu quả nhất, với 300ha ruộng thuê lại của người bản xứ. Ông còn có những vườn trại trồng dứa, cau, dừa và một trại cà-phê ở vùng phụ cận Thủ Đức, và còn dự tính trồng dứa ở một trại khác tại An Thiệt.

5. CLARET (Chủ nhà in thuộc địa) thành lập đồn điền từ năm 1898 với 5000 gốc cà-phê "Libéria".

6. COURTEAUD (Giám đốc học chính), có 30ha ở khu đất cao thuộc Tân Sơn Nhất. Thử nghiệm nuôi dê nhưng không kết quả (vì gặp một nạn dịch), bèn chuyển sang trồng cây, với 500 gốc dứa, 300 gốc xoài, 2000 cây gỗ teck và 3200 cây gỗ sao.

7. CRÉVOST (Kế toán hải quân) thử nghiệm trồng bông (gốc Java) và nho tại trang trại ở Tân Sơn Nhất, không hiệu quả, ông chuyển sang trồng lúa và thuốc lá, nhưng kết quả cũng rất tồi vì chất đất xấu.

8. CROUZAT (Kỹ sư công chính) có đồn điền ở Thái Hiệp với 80 ha ruộng lúa, cho người bản xứ thuê mướn.

9. DOMENJOD (Thương gia ở Sài Gòn) có đồn điền ở Hạnh Thông Tây với 12000 gốc cà-phê, kết quả khả quan.

10. FUYNEL (Trang sư) có đồn điền trồng lúa ở vùng đồng lầy Vĩnh Lộc. Sau vài thử nghiệm, nay đã có triển vọng. Đã chuyển được 100 ha thành đất canh tác và đang đắp bờ khoanh toàn bộ diện tích đồn điền 400 ha.

11. GUÉRY (Giáo sư) thử nghiệm trồng đậu phộng, thuốc lá và mía, nhưng do tiêu thụ khó khăn, ông chuyển sang trồng cà-phê. Đồn điền cà-phê của ông ở Hạnh Thông Tây là một trong những đồn điền phát đạt nhất Nam Kỳ, với 45.000 gốc, gồm 10.000 gốc giống Java và Moka, 5.000 gốc giống Java ghép với giống Libéria và 30.000 gốc giống Libéria. Ông cũng trồng thêm 4.000 gốc xoài được chiết từ các giống xoài ngon nhất.

12. JOSSELME (Giáo sư) đồn điền ở Vĩnh An Tây của ông là một vườn thí nghiệm thực sự, gồm cây rocouyer (một loại cây chàm để chế biến thuốc nhuộm), cà-phê, cacao, tiêu, cao su, cau, lúa, cây gòn, cây sơn, cây dầu, mù-u, cây cây (?) tre, thầu dầu. Đầu tiên, ông trồng cây rocouyer rất có hiệu quả nhưng phải bỏ, vì hạt ý tử (roucou) bị sụt giá trên thị trường. Hiện nay, đồn điền có 6000 gốc cà-phê phát triển tốt, sản lượng tăng đều mỗi năm. Các loại cây gòn, mù-u, cao su cũng cho kết quả tốt.

13. MONTAGNE (Đốc công Sở công chính) đồn điền ở Khánh Đô, là vùng đất thấp, sinh lầy nên quá trình khai phá chậm. Đã có 100 ha trồng lúa. Dự tính trồng thêm dừa, cao su, đay và mía.

14. VIDAL (Đốc công Arsenal) có đồn điền ở An Thiệt; 1.252 ha đang trong quá trình khai phá (bắt đầu từ 1893), nay đã có 500ha trồng lúa, phần lớn cho người bản xứ thuê mướn.

15. VILSON (Chủ nhà ga Sài Gòn) có đồn điền trồng va-ni ở Phú Thạnh (gần Chợ Đuối), rất có triển vọng với hơn 22 ha đất sét pha cát khai thác từ năm 1898.

Ngoài 15 đồn chủ thực dân nói trên, có thể kể thêm một số đồn chủ khác có đồn điền trang trại nhỏ hơn trên địa bàn tỉnh Gia Định:

* BLANCHY (Đốc lý Sài Gòn) có hơn 17ha đất cát ở Bình Thung, trồng tiêu, cà-phê, dứa, xoài, khai thác từ năm 1875 nhưng đã bỏ năm 1892.

* DECROIX có hơn 17ha đất cát ở Bình Thung, trồng tiêu, khai thác từ năm 1882 (đã bỏ).

* ANDRÉ có một đồn điền (chưa rõ diện tích) vùng đầm lầy ở Khánh Độ và An Lợi, trồng lúa, cau, khai thác từ các năm 1888 và 1895.

* RELAND (Giám đốc Nha cảnh sát) có 5 ha đất sét pha cát ở Bình Hòa, trồng cà-phê Liberia từ năm 1897.

* BÉRENGUIER (Dược sĩ) có 5 ha đất sét pha cát ở Tân Sơn Nhất, trồng lúa và vườn rau từ 1897.

* CLERVOY (Đốc công Nha thủy lợi Sài Gòn) có 59 ha đất đầm lầy ở Khánh Độ, trồng lúa từ năm 1894.

* COMBES LÉON (Thương gia ở Sài Gòn) có một đồn điền đất đầm lầy ở An Phú, trồng lúa, cà-phê, cau từ năm 1894.

* GENET có 700 ha đất đầm lầy ở Bình Khánh, đã trồng 70ha lúa từ năm 1896.

* LAURETTE (Đốc công Sở lục lộ) có 10ha đất sét pha cát ở Trung Chánh Tây, trồng 1.100 gốc cà-phê từ năm 1896.

* MAULER (Kế toán) có 40ha⁶⁰ đất sét ở Bình Quới Tây, trồng lúa từ năm 1893.

* MOTTET (Thương gia ở Sài Gòn) có 4ha ở Tân Sơn Nhất, trồng cà-phê, xoài từ năm 1894.

* PASSARET DE LA CHAPELLE có 17ha đất sét ở Thuận Kiều, trồng lúa, xoài từ năm 1893

* PAREIRE (Giám đốc Công ty Xuyên Đại Tây Dương) có 25ha ở An Lợi, Xuân Vinh, Hạnh Thông, trồng lúa, đậu phộng, thuốc lá từ 1893.

* PERRIN (Thủ quỹ Ngân hàng Hồng Kông-Thượng Hải) có 750ha đầm lầy ở Bình Khánh từ 1894.

* Góa phụ VIALIS (Vợ góa SPOENER) có 25ha ở Tân Thuận Đông, trồng lúa.

* De VILLENEUVE (nhân viên Sở Đoan) có 150ha ở Thới Hiệp.

Tóm lại, việc khai thác đồn điền của các đồn chủ người Pháp trong tỉnh Gia Định đang bước vào thời kỳ phát đạt. Việc trồng cà-phê chưa nhiều vì còn mới mẻ, nhưng nhờ chăm sóc tốt nên có nhiều hứa hẹn.

Trong việc canh tác các loại cây bản xứ, có thể phân biệt hai loại đồn chủ người Âu:

+ Loại thứ nhất được cấp nhượng những diện tích đã canh tác, chất đất được cải thiện trải qua nhiều mùa vụ, bảo đảm thu hoạch chắc chắn, không lo gặp rủi ro.

+ Loại thứ hai phải khai phá những diện tích bỏ hoang hoặc chưa hề được khai phá. Họ gặp khó khăn thực sự, thậm chí thua lỗ. Đặc biệt việc trồng lúa đòi hỏi những biện pháp thủy lợi tốn kém. Mặt

khác, đất ruộng sinh lầy của tỉnh Gia Định cho thu hoạch rất thấp trong những năm đầu.

Cùng thời gian này, nhiều đồn điền của thực dân Pháp ở Nam Kỳ cũng được thành lập tại nhiều tỉnh khác (Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Bà Rịa...).

+ Một đồn điền trồng tiêu và cà-phê ở Chánh Hưng (Biên Hòa).

+ Một đồn điền trồng lúa, mía và chuối ở Đục Quan (Biên Hòa).

+ Một trại tiêu 60.000 gốc ở Tân Nhuan (Biên Hòa).

+ Một trại cà-phê 15.000 gốc ở Phuoc Tan (Biên Hòa).

+ Hai trại cà-phê "Libéria" ở Bình Truoc và Xuân Lộc (Biên Hòa).

+ Một đồn điền trồng đay 4000ha ở Thủ Dầu Một (vừa cấp cho một đồn điền chủ).

+ Hai đồn điền lớn ở Bà Rịa đang sinh lợi rất khả quan: đồn điền cà-phê và tiêu với 14.000 gốc cà-phê sản xuất được 500kg và 3.300 gốc tiêu cho sản lượng 450kg; chưa tính những trại tiêu và cà-phê với hàng ngàn gốc ở Hà Tiên.

Cho đến cuối thế kỷ XIX trên địa bàn Nam Kỳ, những diện tích chưa canh tác còn chiếm một tỷ lệ lớn.

Trong tổng diện tích hơn 5 triệu ha, chỉ có 1.200.000ha được canh tác. Những hạt

còn nhiều diện tích "nhàn rỗi" là Rạch Giá, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Long Xuyên, Sa Đéc, Mỹ Tho. Đất đai những vùng này được phủ một lớp đất màu nguyên thủy khá dày nên rất màu mỡ, thích hợp với việc trồng lúa và các loại canh tác khác.

V. ĐỒN ĐIỀN CAO SU

Bên cạnh các đồn điền canh tác lúa và chuyên canh các loại cây trồng khác (tiêu, cà phê, mía, đay thuốc lá...), các đồn điền cao su có vị trí quan trọng.

Diện tích trồng cây cao su phát triển đáng kể. Năm 1917, các đồn điền chủ đã có nhiều cố gắng lớn, nhất là tại hai tỉnh Gia Định và Thủ Dầu Một... Tại tỉnh Gia Định đã có thêm 19 đồn điền cao su, trong đó có 9 đồn điền của người Âu. Có nhiều đơn xin lập đồn điền cao su và một số đơn đã được giải quyết.

Năm 1916, diện tích trồng cao su chiếm 3.755ha. Năm 1917 diện tích này đã tăng lên 4.560ha. Tổng sản lượng cao su năm 1916 là 189 tấn, năm 1917 tăng lên 320 tấn. Bảng 2 cung cấp những số liệu về sự phát triển các đồn điền cao su trong phạm vi tỉnh Gia Định.

Tại tỉnh Thủ Dầu Một, những cố gắng của các đồn điền chủ còn lớn hơn. Tháng 12-1916, diện tích canh tác là 5.572 ha với 1.592.000 gốc cao su. Tính đến ngày 31-12-1917, diện tích các đồn điền cao su trong

Bảng 2: Diện tích, năng suất của một số đồn điền cao su ở tỉnh Gia Định các năm 1916 và 1917

Vị trí đồn điền	Chủ đồn điền	Diện tích (ha)		Năng suất (tấn)	
		Năm 1916	Năm 1917	Năm 1916	Năm 1917
Hóc Môn					
	Người Âu	2303.00	2619.00	133.700	235.500
Thủ Đức	Người bản xứ	457.50	636.00	3.000	5.000
	Người Âu	784.30	902.80	16.700	38.100
Gò Vấp	Người bản xứ	114.00	259.00	0.270	1.600
	Người Âu	95.72	132.22	35.000	40.000
	Người bản xứ	0.50	17.10		
	Tổng cộng	3755.02	4566.12	188.670	320.000

tỉnh là 8.699 ha với 2.528.000 gốc cao su; (1ha60), Thanh An (6ha), Phu Huu (2ha), như vậy là tăng 3.127 ha, tương đương với Tan Binh (1ha), Tuong Hoa (1ha80). 935.000 gốc cao su được trồng thêm. Sau đây là Bảng tổng hợp (xem bảng 3).

Bảng 3: Diện tích và số gốc cao su của một số đồn điền ở tỉnh Thủ Dầu Một các năm 1916, 1917

Loại đồn điền	Tổng diện tích	Cuối 1916	Số gốc cao su	Cuối 1917	Số gốc cao su
Người Âu	20842ha	5332ha	1483.276	7844ha	2229.740
Chính quyền	656ha	147ha	38.773	159ha	41.578
Người bản xứ	831ha	175ha	68.028	682ha	253.623
Làng xã	17ha	10ha	3.209	13ha	3.699
Tổng cộng	22347ha	5664ha	1590.000	8700ha	2529.000

Rất nhiều đơn xin mua đất hoặc xin lập đồn điền chứng tỏ xu thế phát triển đầy khởi sắc của ngành canh tác này. Sau đây có thể tóm lược một số ví dụ:

+ Đồn điền của người Âu: trong số hơn 30 đồn điền của người Âu trong tỉnh với tổng diện tích 20.842ha, có thể kể các đồn điền ở Xa Trach (1148ha98), Lộc Ninh (9057.94ha), các đồn điền của HALLET ở Xa Cam, An Lộc, Phu Mieng, Quang Loi (ngót 4000ha), đồn điền của Công ty cao su Hon Quan (Xa Cat) (3164ha68), của các điền chủ Le CUIDEC & Paul SERSOT ở Hon Quan, của PACHOD ở Lai Khê, của DELOST ở Phu Trung, của CASANOVA ở Tan Khanh, của GUILLEMET ở Chánh Thiện...

+ Các trang trại của chính quyền: gồm Trại Thí nghiệm ở Ông Yêm (333ha), trại cao su ở đảo Côn Lôn (131ha), lâm trại Bung Cầu lệ thuộc Nhà tù Ông Yêm (192ha).

+ Đồn điền của người bản xứ: gồm 38 đồn điền với tổng diện tích 831ha.

+ Trang trại của làng xã: tổng diện tích hơn 17ha, gồm: Binh Giao (1ha50), Tuy An (1ha20), Tuong An (1ha90), Tuong Binh

Tại tỉnh Bà Rịa, diện tích trồng cao su năm 1917 vẫn như năm 1916. Các điền chủ chỉ bó hẹp trong việc chăm sóc đơn giản, ngoại trừ đồn điền của BOURGUIGNAT & CHARBONNEL có được mở rộng thêm diện tích.

Đáng lưu ý là đồn điền COURTENAY - cũng là đồn điền cao su quan trọng nhất của tỉnh Bà Rịa - đã thiết lập một xưởng chế biến mủ cao su sử dụng máy móc hiện đại nhất và giảm đáng kể số lượng cu-li. Hướng phát triển này sẽ thu được hiệu quả khả quan và việc phổ biến các phương pháp này sẽ giải quyết tốt nhất vấn đề nhân công đang ngày một bức xúc đối với các điền chủ canh tác cây cao su.

Việc canh tác cao su ở đảo Phú Quốc (tỉnh Hà Tiên) đang phát triển thuận lợi. Đã trồng được 70.000 gốc và 6.000 gốc đã lấy cung cấp hơn 4 tấn mủ trong năm 1917.

Công ty cao su Tây Ninh với số vốn 4 triệu đồng (piastre) có 3 đồn điền cao su rất đẹp [chiếm diện tích 1.330ha với 400.000 gốc, trong đó có những gốc lâu năm (từ 1908) và những gốc mới nhất cũng đã được

(Xem tiếp trang 72)

Nixon, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2007, tr. 514.

(19). Cần phải nói thêm rằng, âm mưu sử dụng máy bay ném bom chiến lược B52 nhằm đánh phá Hà Nội, Hải Phòng đã được Nixon trù tính từ trước khi diễn ra cuộc bầu cử. Tuy nhiên, Nixon chưa muốn thực hiện do lo ngại sự phản đối của dư luận trong nước và thế giới sẽ ảnh hưởng đến cuộc chạy đua chức Tổng thống Mỹ nhiệm kỳ tiếp theo của ông ta. Nhưng Nixon cũng đã nói với các cố vấn thân cận của mình trong buổi họp ngày 4-5-1972 rằng: "Sau bầu cử, tôi sẽ làm dữ dội... Tôi sẽ ném bom và phong tỏa chúng" (Dẫn theo Jeffrey Kimball: *Hồ sơ chiến tranh Việt Nam - Tiết lộ lịch sử bí mật của chiến lược thời kỳ Nixon*, sdd, tr. 431).

(20). Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975*, tập 7 (*Thắng lợi quyết định năm*

1972), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 306.

(21). *Hồi ký Richard Nixon*, sdd, tr. 904.

(22). Cần phải nói thêm rằng, khi cuộc tập kích bằng không quân chiến lược vào Hà Nội diễn ra và nhiều máy bay B52 bị bắn hạ, dư luận đã phản đối mạnh mẽ. Nhưng trong Hồi ký của mình, Nixon cho biết rằng: "Mối lo lớn nhất của tôi không phải là làn sóng phê phán đến từ trong nước cũng như ngoài nước như đã dự kiến mà là tầm quan trọng của những tổn thất bằng B52". (*Hồi ký Richard Nixon*, sdd, tr. 907).

(23). Võ Nguyên Giáp: *Điện Biên Phủ xưa và nay*, Tạp chí *Xưa và Nay*, số tháng 5 năm 1994.

(24). Hồ Khang: *Tết Mậu Thân 1968 - Bước ngoặt lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, sdd, tr. 226.

ĐỒN ĐIỀN NAM KỲ THỜI PHÁP THUỘC...

(Tiếp theo trang 57)

trồng từ năm 1912. Tính đến tháng 7-1917 đã có 140.000 gốc đã lấy mủ. Về thu hoạch: năm 1915 được 6.000kg cao su và năm 1916 được 22.000kg. Công ty này hiện sử dụng 800 cu-li, lại vừa trang bị một máy kéo và xây dựng một xưởng trang bị hệ

thống động cơ hơi nước 45 sức ngựa (45CV) để chế biến cao su.

Riêng đồn điền của JESSULA (Tây Ninh) đã có 100.000 gốc cao su. Đây là một đồn điền có những khoản đầu tư quan trọng và đang phát triển đầy triển vọng.

(Còn nữa)

CHÚ THÍCH

(1). *Báo cáo của Phủ thống đốc Nam Kỳ - "Comparaison de la situation de la Cochinchine après la conquête et en 1930"* - Tư liệu Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 2 - KH: G.divers/3606).

(2). *"La présence financière et économique*

française en Indochine, 1859-1939" - *Sự hiện diện tài chính và kinh tế của Pháp ở Đông Dương (1859-1939)*. Bản dịch của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hà Nội, 1994).

(3). Trung tâm Lưu trữ TW2 - KH: SL. 4508).